

Bản án số: 44/2022/DS-PT

Ngày: 10/02/2022

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng thế chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp dân sự Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 333/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

Địa chỉ: Đường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T – Cán bộ phòng Tổng hợp;
Địa chỉ: Đường N, phường I, tp C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2021.

- *Bị đơn:* Phạm Thành P, sinh năm 1966;

Huỳnh Thị M, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1, sinh năm 1995;

NLQ2, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Nguyễn Thành T có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

- *Người kháng nghị:* Viện Trưởng Viện kiểm sát huyện T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C – đại diện ủy quyền ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ông Phạm Thành P và bà Huỳnh Thị M ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần C (viết tắt Ngân hàng TMCP C) — Chi nhánh Đồng Tháp hợp đồng cho vay số 19.025/BT/2019-HĐCV/NHCT720 ngày 01/3/2019, cụ thể:

- Mức cho vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

- Phương thức: Cho vay từng lần.

- Mục đích sử dụng: Sản xuất lúa và chăn nuôi cá.

- Thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/02/2020.

- Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của giải ngân khoản nợ đầu tiên.

- Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh được quy định cụ thể trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay thì giữa Ngân hàng và ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M, NLQ1, NLQ2 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 16220/BT/TC ngày 08/9/2016 đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 7, diện tích 10.772m² (2L). Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì ông P, bà M không thực hiện việc trả vốn và lãi cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng TMCP C yêu cầu buộc ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 74.640.594 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 19.025/BT/2019- HĐCV-NHCT720 ngày 01/3/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay số 19.025/BT/2019-HĐCV-SĐBS1/NHCT720-PHUC ngày 20/9/2019 đến ngày ông P bà M trả hết nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông P, bà M không trả nợ Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản của bên thế chấp của hộ ông P, bà M, NLQ1, NLQ2 gồm: Quyền sử dụng đất ở diện tích 10.772m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0518575 do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/3/1995 đứng tên ông Phạm Thành P theo

hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16220/BT/TC ngày 08/9/2016.

- Bị đơn Phạm Thành P, Huỳnh Thị M và NLQ1, NLQ2 vắng mặt không lý do.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Buộc ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/10/2021 là 74.640.594 đồng, tổng cộng 474.640.594 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 19.025/BT/2019-HĐCV/NHCT720 ngày 01/3/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay số 19.025/BT/2019-HĐCV-SĐBS1/NHCT720-PHUC ngày 20/9/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Ngân hàng thương mại cổ phần C được xử lý tài sản đảm bảo nợ vay là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 7, diện tích 10.772m² (2L) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0518575, sổ vào sổ 1041 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/3/1995 cho ông Phạm Thành P.

Ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại và làm thủ tục giải tỏa tài sản thế chấp cho ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M, NLQ1, NLQ2 tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa E 0518575, cấp ngày 04/3/1995 do ông Phạm Thành P đứng tên.

- Án phí:

Buộc ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.985.000 đồng.

Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.489.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Chi phí đăng báo, nhắn tin: Buộc ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M phải chịu 4.500.000 đồng chi phí đăng báo, nhắn tin. Buộc ông P và bà M phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 4.500.000 đồng vì Ngân hàng đã ứng trước.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Ngày 11/11/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định số 14/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án số 61/2021/DSST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu theo Quyết định kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T, đề nghị sửa 01 phần án sơ thẩm: Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Đồng Tháp chịu chi phí đăng báo, nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T, sửa 01 phần án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị, Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Đồng Tháp chịu chi phí đăng báo, nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

[1] Xét thấy, Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Đồng Tháp khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M trả nợ vay gốc, lãi số tiền 474.640.594 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số 19.025/BT/2019-HĐCV/NHCT720 ngày 01/3/2019, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay số 19.025/BT/2019-HĐCV-SĐBS1/NHCT720-PHUC ngày 20/9/2019, đồng thời yêu cầu xem xét tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 10.772m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0518575 do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/3/1995 đứng tên ông Phạm Thành P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16220/BT/TC ngày 08/9/2016 nếu ông P, bà M không trả được nợ vay.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án, theo xác nhận ngày 14/8/2020 của Công an xã B, huyện T xác nhận thì hộ ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M, NLQ1, NLQ2 có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp B, xã B, huyện T nhưng đương sự đã bỏ địa phương đi đâu không rõ (BL 01).

Xét thấy, khi thực hiện giao dịch Hợp đồng vay tại Ngân hàng, bị đơn là ông P, bà M đã có địa chỉ rõ ràng, khi đến hạn trả nợ Ngân hàng thì ông P, bà M đã bỏ địa phương đi nơi khác mà không thông báo cho Ngân hàng biết nên Ngân hàng căn cứ vào địa chỉ ghi trong hợp đồng vay để khởi kiện là phù hợp. Tuy nhiên, khi thụ lý vụ án Tòa án đã không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn và người liên quan (do không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, đồng thời cũng không biết có nơi sinh sống nào khác).

Để đảm bảo cho bị đơn và người liên quan biết được Ngân hàng đang khởi kiện đối với các đương sự, ngày 30/11/2021 Tòa án huyện T ra công văn số 345/CV-TA đề nghị Ngân hàng Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông P, bà M, chị Ly, NLQ2 theo thông báo số 136/TB-TA ngày 30/11/2020; và Ngân hàng đã thực hiện việc tìm kiếm bằng hình thức đăng báo Công lý 03 số liên tiếp các ngày 12, 15 và 19/01/2021 (BL 49, 50, 51), đồng thời nhấn tin trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam 03 lần liên tiếp vào các ngày 23, 24, 25/01/2021 (BL 52a).

Tại khoản 2 Điều 180, khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Chi phí đăng báo, nhấn tin do người yêu cầu chịu*".

Trường hợp này do Ngân hàng thực hiện việc đăng báo, nhấn tin nên Ngân hàng phải chịu chi phí này không phụ thuộc việc Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P, bà M phải chịu chi phí đăng báo, nhấn tin trên phương tiện báo, đài việc Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với các đương sự Phạm Thành P, Huỳnh Thị M, NLQ1, NLQ2 là không phù hợp.

Do vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T, sửa 01 phần án sơ thẩm đối với chi phí đăng báo, nhấn tin.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên đối với Hợp đồng thế chấp tài sản chưa rõ ràng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên nhằm đảm bảo bản án được thi hành.

[2] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật và đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T; sửa 01 phần án sơ thẩm về chi phí đăng báo, nhấn tin. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/11/2021 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T;

Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Buộc ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/10/2021 là 74.640.594 đồng, tổng cộng 474.640.594 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 19.025/BT/2019-HĐCV/NHCT720 ngày 01/3/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay số 19.025/BT/2019-HĐCV-SĐBS1/NHCT720-PHUC ngày 20/9/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

2. Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16220/BT/TC ngày 08/9/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Đồng Tháp với ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M, NLQ1, NLQ2.

Nếu ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M không trả số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần C được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa 187, tờ bản đồ số 7, diện tích 10.772m² (2L) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0518575, số vào sổ 1041 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/3/1995 cho ông Phạm Thành P để thu hồi nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thành P, bà Huỳnh Thị M phải chịu 22.985.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.489.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006849 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Chi phí đăng báo, nhắn tin: Ngân hàng thương mại cổ phần C chịu số tiền 4.500.000 đồng (Ngân hàng đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND h. Thanh Bình;
- Chi cục THADS h. Thanh Bình;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh